



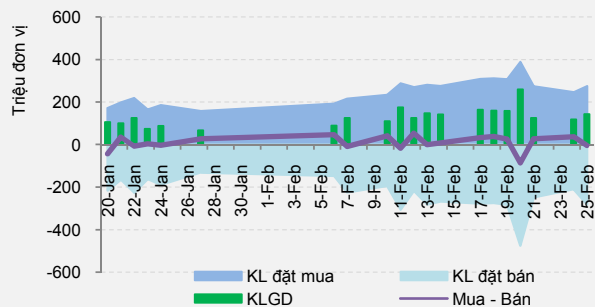
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 25/2/2014

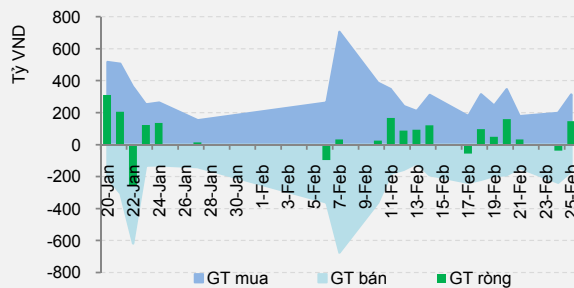
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	586.2	82.3
% Thay đổi	↑ 1.7%	↑ 0.7%
KLGD (CP)	143,514,510	95,078,620
GTGD (tỷ đồng)	2,686.89	856.10
Tổng cung (CP)	279,780,790	146,894,600
Tổng cầu (CP)	274,630,080	141,201,100

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	3,996,680	1,000,250
KL mua (CP)	8,338,220	1,079,850
GTmua (tỷ đồng)	313.77	14.80
GT bán (tỷ đồng)	167.74	10.37
GT ròng (tỷ đồng)	146.02	4.43

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 3.12%	8.6	2.0	4.8%
Công nghiệp	↑ 1.30%	324.4	1.3	22.3%
Dầu khí	↓ -0.52%	9.1	2.0	2.0%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.69%	16.1	2.2	1.0%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.43%	10.7	3.2	0.6%
Hàng Tiêu dùng	↑ 1.09%	13.4	4.9	12.9%
Ngân hàng	↑ 1.00%	14.1	1.3	8.3%
Nguyên vật liệu	↑ 2.66%	11.3	2.2	9.5%
Tài chính	↑ 1.26%	17.5	2.5	33.5%
Tiện ích Cộng đồng	↑ 3.26%	11.6	4.2	4.9%
VN - Index	↑ 1.67%	14.3	3.0	75.9%
HNX - Index	↑ 0.72%	20.3	1.7	24.1%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	3,503,700	2.4%	1,829,960	1.3%
GTGD (tỷ VND)	87,305	3.3%	69,651	2.6%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Thị trường dao động hẹp trong phần lớn thời gian giao dịch trước tâm lý thận trọng khi 1/ lượng cổ phiếu về tài khoản lớn; và 2/ UBCKNN cho biết quyết định thông qua việc tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của NĐTNN tại DNNY chưa được thông qua trong Tháng 2. Diễn biến tăng giá của chỉ số Index trong thời gian này phần lớn dựa vào nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn (GAS, MSN). Đà tăng điểm mạnh dần về cuối phiên, lan rộng hơn từ nhóm cổ phiếu Bluechips sang midcap, khi áp lực cung giá thấp không nhiều giúp thúc đẩy lực cầu. Hai chỉ số Index đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên, khối lượng giao dịch tăng khá so với phiên trước.

Với phiên tăng điểm hôm nay, VN-Index đã tăng cao hơn mốc đỉnh gần nhất (584.1 điểm) thiết lập trong phiên thanh khoản đột biến ngày Thứ 5 (20/2). Áp lực cung dự báo tiếp tục gia tăng khi chỉ số VN-Index đã tiến gần ngưỡng kháng cự 590 điểm, HNX-Index tiến gần mức đỉnh gần nhất 82.86 điểm. Với dòng tiền tham gia thị trường tích cực, chúng tôi cho rằng mức độ thị trường điều chỉnh giảm không nhiều, mốc hỗ trợ kỹ thuật của VN-Index khoảng 565 điểm, HNX-Index khoảng 78 điểm. Thị trường sẽ cần thêm thời gian tích lũy trước khi tiếp tục xu hướng tăng điểm.

Chúng tôi duy trì quan điểm giai đoạn điều chỉnh tích lũy là cơ hội để nhà đầu tư tìm kiếm/mua vào cổ phiếu mạnh, thu hút dòng tiền cho mục tiêu trung dài hạn. Với quan điểm ngắn hạn, nhà đầu tư nên giữ tỷ trọng cổ phiếu hợp lý khi thị trường dự báo vẫn cần thời gian tích lũy, trước khi xu hướng tăng trở lại.

- Chỉ số VN-Index tăng 9.62 điểm (1.67%), lên 586.20 điểm, mức cao nhất trong phiên.

- Chỉ số HNX-Index tăng 0.59 điểm (0.72%), lên 82.25 điểm, sát mức cao nhất trong phiên.

- Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 2/2014 giảm 10.3% so với tháng 1, do trùng với thời điểm nghỉ Tết Nguyên đán nhưng vẫn tăng 15.2% so với cùng kỳ năm 2013. Tính chung, IIP hai tháng đầu năm 2014 tăng 5.4% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 4.4% của tháng 2/2013 với cùng mốc so sánh. Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 1/2014 so với tháng 12/2013 giảm 2.8% và so cùng kỳ năm trước tăng 3.4%. Chỉ số tồn kho thời điểm 1/2/2014 tăng 12.7% so với cùng thời điểm năm trước (trong khi chỉ số tồn kho thời điểm 01/01/2014 là 9.7%; thời điểm 01/01/2013 tăng 21.5%). Nhìn chung hoạt động sản xuất giảm, tồn kho tăng so với cùng kỳ vào thời điểm Tết Nguyên đán chưa cho tín hiệu rõ rệt về thực trạng nền kinh tế. Tuy nhiên, thực tế chỉ số giá hàng hóa tăng chậm, chỉ số tiêu thụ giảm nhẹ cho thấy sức mua nội địa còn yếu.

- UBCKNN tuyên bố thông tin quyết định về tỷ lệ sở hữu của NĐTNN tại DNNY sẽ được ban hành trong tháng 2 là chưa chính xác. Hiện dự thảo đã hoàn thành việc lấy ý kiến các bộ ngành, đang chờ Chính phủ thông qua. Theo dự thảo, tỷ lệ sở hữu của NĐTNN ở các DNNY sẽ nâng lên mức 60%, thay cho mức 49% hiện nay; đồng thời quy định về phân loại các ngành nghề đã được loại bỏ. Những doanh nghiệp Nhà nước cần nắm giữ cổ phần chi phối hoặc doanh nghiệp đặc thù như ngân hàng sẽ được thực hiện theo quy định riêng. Khi dự thảo được Chính phủ thông qua, các DNNY sẽ tự quyết định tỷ lệ room qua việc lấy ý kiến cổ đông và đăng ký với UBCKNN để thực hiện. Như vậy, có khả năng quyết định mới về tỷ lệ sở hữu của NĐTNN tại DNNY sẽ được ban hành trước mùa ĐHCĐ sắp tới.



VN-INDEX

- Chỉ số VN-Index tăng 9.62 điểm (1.67%), lên 586.20 điểm, mức cao nhất trong phiên.
- KLGD tăng 25% so với phiên trước, lên 141 triệu đơn vị.
- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 75 điểm. Chỉ báo MACD 9 ngày tăng nhẹ trở lại lên trên đường tín hiệu.

Nhận định: Chỉ số VN-Index dao động hẹp trong phần lớn thời gian giao dịch trước tâm lý thận trọng khi 1/ lượng cổ phiếu về tài khoản lớn; và 2/ UBCKNN cho biết quyết định thông qua việc tăng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của NĐTNN tại DNNY chưa được thông qua trong Tháng 2. Diễn biến tăng giá của chỉ số Index trong thời gian này phần lớn dựa vào nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn (GAS, MSN). Đa tăng điểm mạnh dần về cuối phiên, lan rộng hơn sang nhóm cổ phiếu Bluechips, midcap, khi áp lực cung trong phiên lượng cổ phiếu lớn về tài khoản không nhiều giúp thúc đẩy lực cầu. Chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên, khối lượng giao dịch tăng khá so với phiên trước.

Với phiên tăng điểm hôm nay, VN-Index đã tăng cao hơn mốc đỉnh gần nhất (584.1 điểm) đã thiết lập trong phiên thanh khoản đột biến ngày Thứ 5 (20/2). Áp lực cung dự báo tiếp tục gia tăng khi chỉ số VN-Index đã tiến gần ngưỡng kháng cự 590 điểm. Với dòng tiền tham gia thị trường tích cực, chúng tôi cho rằng mức độ thị trường điều chỉnh giảm không nhiều, với mốc hỗ trợ kỹ thuật khoảng 565 điểm. Tuy nhiên thị trường vẫn cần thời gian tích lũy trước khi tiếp tục xu hướng tăng. Xu hướng thị trường tăng điểm trung hạn vẫn được đánh giá tích cực.

Chúng tôi duy trì quan điểm giai đoạn điều chỉnh tích lũy là cơ hội để nhà đầu tư tìm kiếm/mua vào cổ phiếu mạnh, thu hút dòng tiền cho mục tiêu trung dài hạn. Với quan điểm ngắn hạn, nhà đầu tư nên giữ tỷ trọng cổ phiếu hợp lý khi thị trường dự báo vẫn cần thời gian tích lũy, trước khi xu hướng tăng trở lại.

HNX-INDEX

- Chỉ số HNX-Index tăng 0.59 điểm (0.72%), lên 82.25 điểm, sát mức cao nhất trong phiên.
- KLGD tăng 35% so với phiên trước, lên 93 triệu đơn vị.
- Chỉ số RSI14 tiếp tục tăng lên mức 76.8 điểm, tâm lý nhà đầu tư tích cực hơn. Đường MACD 9 vẫn dao động phía trên đường tín hiệu, dù khoảng cách đang thu hẹp.

Nhận định: Thị trường giao dịch bình ổn trong phần lớn thời gian giao dịch, lực cầu giá cao khá thận trọng và áp lực cung giá thấp không nhiều. Lực mua mạnh dần trong phiên giao dịch chiều, tiếp nối diễn biến tích cực tại sàn HOSE. Nhóm cổ phiếu chứng khoán, dầu khí, xây dựng, BĐS tiếp tục là tâm điểm thu hút dòng tiền, dù mức độ tăng giá chưa nhiều.

Chỉ số HNX-Index vẫn đang trong xu hướng điều chỉnh khi tiếp cận ngưỡng kháng cự kỹ thuật 84 điểm. Với dòng tiền tham gia thị trường tích cực, chúng tôi cho rằng mức độ thị trường điều chỉnh giảm không nhiều, với mốc hỗ trợ kỹ thuật khoảng 77-78 điểm. Tuy nhiên thị trường vẫn cần thời gian tích lũy trước khi tiếp tục xu hướng tăng. Xu hướng thị trường tăng điểm trung hạn vẫn được đánh giá tích cực.

Chúng tôi duy trì quan điểm giai đoạn điều chỉnh tích lũy là cơ hội để nhà đầu tư tìm kiếm/mua vào cổ phiếu mạnh, thu hút dòng tiền cho mục tiêu trung dài hạn. Với quan điểm ngắn hạn, nhà đầu tư nên giữ tỷ trọng cổ phiếu hợp lý khi thị trường dự báo vẫn cần thời gian tích lũy, trước khi xu hướng tăng trở lại.



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q4.2013 SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	PXL	HOSE	2.8	-65.0%	10.01	19920.0%	24.57	-69.3%	-5.45	-2968.4%	-51.2%	0.42
2	ASP	HOSE	569.88	10.7%	10.93	10830.0%	1970.76	-1.1%	20.2	-19.8%	72.1%	13.13
3	PXI	HOSE	256.85	28.2%	17.97	5515.6%	683.2	-19.3%	15.03	78.5%	38.5%	3.09
4	KTB	HOSE	16.14	-11.9%	1.68	5500.0%	50.16	-35.9%	1.75	-95.7%	5.8%	2.30
5	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.24
6	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	19.00
7	ITA	HOSE	-36.58	-117.6%	31.7	2319.8%	-15.13	-141.7%	45.11	36.8%	57.8%	17.96
8	VTO	HOSE	362.62	-12.3%	20.37	2163.3%	1564.15	-4.7%	43.81	-11.1%	605.9%	1.91
9	TC6	HNX	1187.01	-9.2%	97.17	1690.3%	4262.51	5.9%	59.07	34.3%	126.0%	4.38
10	TCS	HNX	1158.46	44.8%	147.27	1195.3%	3851.24	15.5%	48.96	9.9%	96.7%	7.02

TOP CỔ PHIẾU TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN 2013 SO 2012

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	APG	HNX	4.67	183.0%	2.87	171.4%	11.83	54.6%	4.81	1073.2%	74.0%	0.04
2	VRC	HOSE	42.95	363.3%	3.73	2969.2%	100.02	13.7%	1.54	1000.0%	21.1%	0.24
3	CMI	HNX	29.66	446.2%	12.3	261.4%	52.88	63.8%	13.09	869.6%	55.7%	0.05
4	TCM	HOSE	645.39	25.1%	28.88	247.3%	2554.42	11.9%	123.52	712.7%	136.7%	48.99
5	KLS	HNX	40.5	-12.9%	40.73	-35.5%	167.65	-30.6%	138.34	541.4%	34.2%	6.33
6	VCG	HNX	2921.87	-41.1%	421.53	671.2%	11345.11	-10.4%	544.75	523.4%	152.1%	4.84
7	KMR	HOSE	68.79	11.8%	5.97	2942.9%	337.28	-3.1%	20.16	474.4%	163.2%	19.00
8	VHG	HOSE	19.32	-44.2%	7.77	154.8%	186.59	10.9%	83.29	330.3%	-416.5%	0.36
9	VIC	HOSE	6776.78	138.9%	799.95	264.9%	18377.3	132.5%	6756.01	330.0%	90.1%	12.95
10	HGD	HOSE	664.6	24.1%	40.44	-36.4%	1232.33	32.4%	97.85	320.9%	163.1%	6.29

TOP CỔ PHIẾU LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 2013 CAO NHẤT

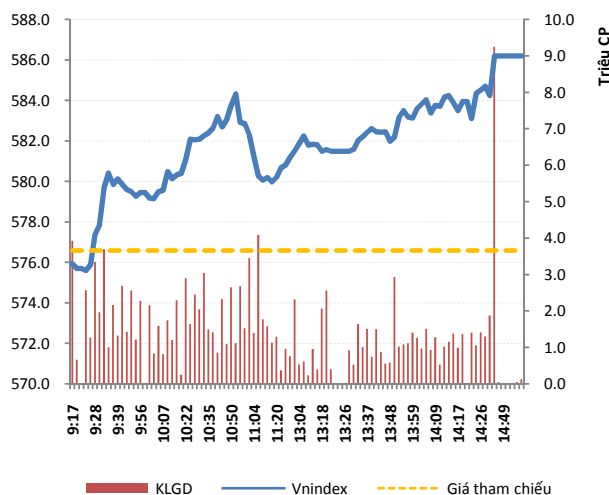
STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q4	% DT so Q4.2012	LNST Q4 (tỷ)	% LN so Q4.2012	DT 2013 (tỷ)	% DT so 2012	LNST 2013 (tỷ)	% LN so 2012	LN 2013 so KH	Tỷ lệ SHNN (%)
1	GAS	HOSE	16575.8	9.5%	2194.68	-12.2%	65445.03	-4.2%	12384.66	26.3%	161.0%	2.50
2	VIC	HOSE	6776.78	138.9%	799.95	264.9%	18377.3	132.5%	6756.01	330.0%	90.1%	12.95
3	VNM	HOSE	8174.03	15.9%	1470.04	-10.8%	30948.6	16.5%	6534.13	12.3%	104.9%	49.00
4	DPM	HOSE	2361.45	-17.4%	258.71	-50.6%	10363.42	-22.2%	2216.92	-26.5%	115.8%	30.37
5	HPG	HOSE	6460.28	52.5%	489.6	179.5%	18934.29	12.5%	1954.22	96.6%	162.9%	45.44
6	PVD	HOSE	4467.94	26.4%	485.28	126.8%	14863.25	24.6%	1877.89	29.7%	138.1%	40.48
7	PPC	HOSE	1736.95	40.4%	232.13	-57.2%	6582.56	59.4%	1631.51	223.2%	486.4%	12.27
8	FPT	HOSE	11283.43	12.6%	474.01	5.6%	41231.63	67.6%	1607.71	4.4%	81.0%	49.00
9	PVS	HNX	6096.13	-4.6%	491.81	142.3%	25385.83	3.2%	1516.21	35.6%	191.9%	25.47
10	BVH	HOSE	2040.45	-6.7%	291.11	-1.7%	8377.68	-0.4%	1095.85	-18.7%	99.4%	24.32
11	REE	HOSE	729.9	10.6%	136.84	-22.6%	2413.4	0.7%	975.79	48.6%	150.1%	48.95
12	HAG	HOSE	755.13	-56.4%	295.65	368.9%	2769.41	-37.0%	901.81	157.7%	108.6%	34.93

Ghi chú: Chỉ lọc những mã cổ phiếu có KLGD bình quân 30 phiên > 50.000. Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 18/02/2014

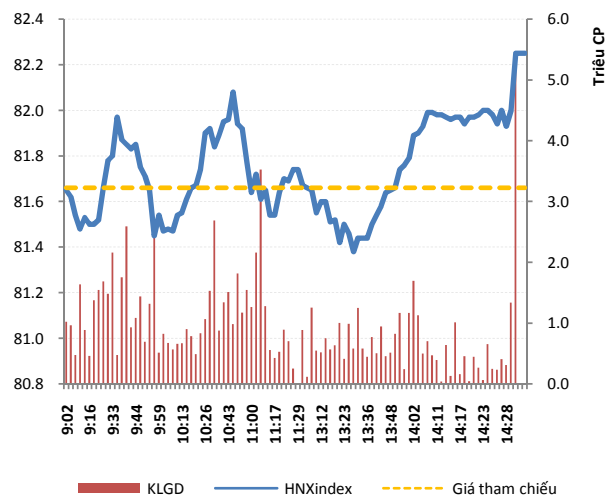


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

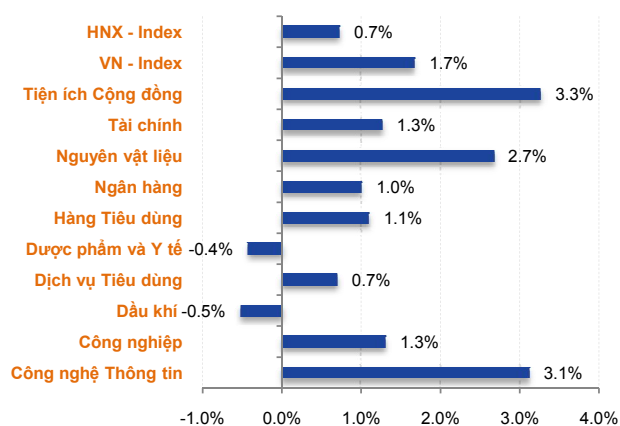
KLGD và VN-Index trong phiên



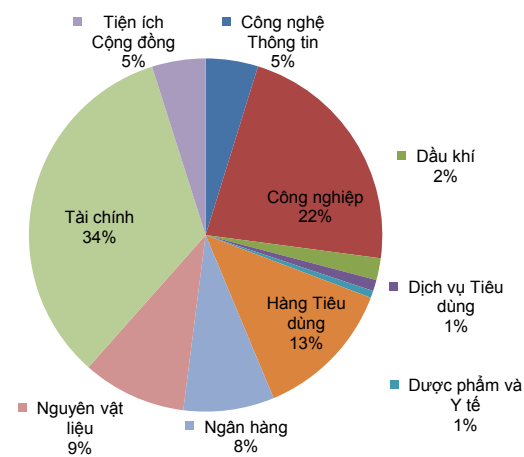
KLGD và HNX-Index trong phiên



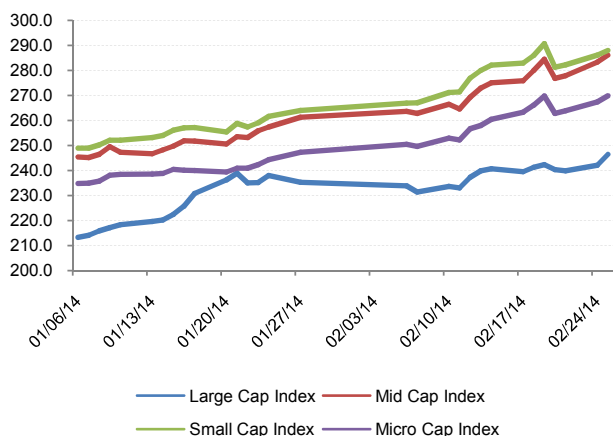
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



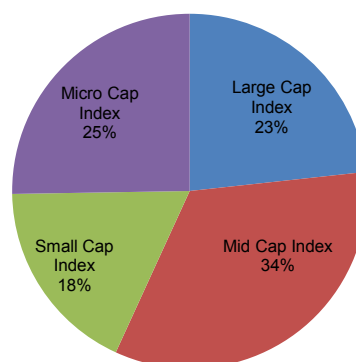
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DXG	1,601,700	KBC	220,020
2	FCN	767,820	DPM	156,480
3	MSN	433,380	IJC	137,760
4	VCB	424,190	NTL	123,070
5	HSG	305,070	TNT	107,220

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	129,100	SHB	134,300
2	BVS	79,400	KHL	76,300
3	PHH	66,000	VCG	45,450
4	PVV	49,000	HOM	40,700
5	VND	43,500	PVC	35,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	10.7	11.0	↑ 2.80%	8,072,500
ITA	7.8	7.7	↓ -1.28%	6,337,020
HAG	25.1	26.2	↑ 4.38%	5,999,650
SSI	26.4	26.8	↑ 1.52%	5,381,600
SAM	11.7	11.7	→ 0.00%	5,331,830

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVX	4.2	4.3	↑ 2.38%	17,971,219
SHB	8.7	8.6	↓ -1.15%	12,178,571
SCR	8.9	9.1	↑ 2.25%	6,565,939
VCG	15.3	15.8	↑ 3.27%	5,753,571
SHN	5.8	5.5	↓ -5.17%	4,460,700

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HPG	48.6	52.0	3.4	↑ 7.00%
HTV	18.6	19.9	1.3	↑ 6.99%
DXV	4.3	4.6	0.3	↑ 6.98%
PXT	5.8	6.2	0.4	↑ 6.90%
FCM	16.0	17.1	1.1	↑ 6.88%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ILC	4.0	4.4	0.4	↑ 10.00%
KSQ	4.0	4.4	0.4	↑ 10.00%
PSI	7.0	7.7	0.7	↑ 10.00%
PV2	3.0	3.3	0.3	↑ 10.00%
SFN	14.0	15.4	1.4	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SSC	50.0	46.6	-3.4	↓ -6.80%
HOT	29.8	27.8	-2.0	↓ -6.71%
KAC	10.5	9.8	-0.7	↓ -6.67%
NVN	3.0	2.8	-0.2	↓ -6.67%
PGI	11.0	10.3	-0.7	↓ -6.36%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CAN	23.0	20.7	-2.3	↓ -10.00%
DLR	7.7	7.0	-0.7	↓ -9.09%
VXB	11.0	10.0	-1.0	↓ -9.09%
QCC	5.7	5.2	-0.5	↓ -8.77%
SPI	4.7	4.3	-0.4	↓ -8.51%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	8,072,500	7.9%	663	16.6	1.4
ITA	6,337,020	0.7%	74	104.3	0.7
HAG	5,999,650	8.0%	1,372	19.1	1.5
SSI	5,381,600	9.9%	1,471	18.2	1.8
SAM	5,331,830	5.0%	922	12.7	0.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	17,971,219	-115.4%	(5,275)	-	2.1
SHB	12,178,571	7.6%	854	10.1	0.7
SCR	6,565,939	0.4%	53	171.7	0.6
VCG	5,753,571	10.0%	1,233	12.8	1.2
SHN	4,460,700	1.9%	52	105.8	2.0

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	↑ 7.0%	22.2%	4,663	11.2	2.3
HTV	↑ 7.0%	11.0%	2,950	6.7	0.7
DXV	↑ 7.0%	4.5%	462	10.0	0.4
PXT	↑ 6.9%	0.5%	57	109.5	0.6
FCM	↑ 6.9%	15.0%	1,417	12.1	1.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
ILC	↑ 10.0%	-19.0%	(1,911)	-	0.5
KSQ	↑ 10.0%	0.5%	57	77.0	0.4
PSI	↑ 10.0%	0.5%	45	172.2	0.8
PV2	↑ 10.0%	-40.2%	(3,610)	(0.9)	0.5
SFN	↑ 10.0%	15.9%	2,552	6.0	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	1,601,700	13.9%	1,522	10.5	1.9
FCN	767,820	23.1%	4,109	7.0	1.8
MSN	433,380	3.0%	611	163.6	4.9
VCB	424,190	10.3%	1,878	15.7	1.6
HSG	305,070	25.7%	5,770	9.7	2.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	129,100	21.0%	3,568	8.5	1.6
BVS	79,400	7.3%	1,187	12.1	0.9
PHH	66,000	0.3%	47	141.1	0.5
PVV	49,000	-22.4%	(1,891)	-	0.5
VND	43,500	10.8%	1,247	12.7	1.3

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	162,970	40.8%	6,535	13.2	4.9
VNM	115,852	39.6%	7,839	17.7	6.6
MSN	73,491	3.0%	611	163.6	4.9
VIC	70,943	47.7%	7,380	10.6	4.0
VCB	68,132	10.3%	1,878	15.7	1.6

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,836	6.6%	886	18.2	1.2
PVS	13,535	21.0%	3,568	8.5	1.6
SQC	8,602	-1.5%	(188)	-	6.4
SHB	7,620	7.6%	854	10.1	0.7
VCG	6,979	10.0%	1,233	12.8	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	4.37	491.0%	(10,149)	-	(0.2)
HOT	3.17	18.2%	2,581	10.8	2.1
CMT	3.15	7.1%	1,084	11.1	0.8
DRH	2.89	0.6%	62	67.6	0.4
VNG	2.81	0.2%	16	382.0	0.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCC	4.57	1.9%	268	19.4	0.4
ITQ	4.29	2.5%	266	21.8	0.5
HPC	3.87	5.5%	385	13.3	0.7
TTZ	3.83	0.4%	42	127.8	0.5
YBC	3.58	-94.4%	(4,398)	-	2.6



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)